TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HOÀNG SU PHÌ** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG SU PHÌ - TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vần Kim Đưởng.

Bà Nguyễn Thị Bích Hà.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Quán - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 13/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2023/TLST- HNGĐ ngày 12/4/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 20/6/2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa dân sự sơ thẩm số 24/2023/TB-TA ngày 29/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 2000; địa chỉ: Xã T, huyện X, tỉnh H. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1994; địa chỉ: Xã N, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/4/2023, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày: Ngày 26/12/2018, chị H và anh Hoàng Văn T cùng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã N, huyện H, tỉnh H. Chị H anh T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyên, không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị cùng chung sống với nhau tại xã N, huyện H, tỉnh H và chung sống hạnh phúc với nhau, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Trong thời gian hôn nhân vợ chồng anh chị sinh được 01 con chung là cháu Hoàng Nam T1, sinh ngày 10/10/2018. Đến năm 2020, vợ chồng anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm chí xảy ra xô sát, nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn và cách nuôi dạy con cái, không có sự tôn trọng, chia sẻ lẫn nhau, anh T thường xuyên uống rượu quát mắng, xúc phạm, đánh đập chị nhiều lần, không thể thay đổi cách sống được nên chị đã 03 lần bỏ nhà chồng sang ở với bố mẹ đẻ tại xã Trung Thịnh, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang một thời gian. Trước thời gian sống ly thân anh T không hề đến thăm hỏi, chăm sóc đến bố đẻ chị là ông Hoàng Pồ T khi đang ốm nặng. Chị nhận thấy rằng, anh T không hề quan tâm và không có trách nhiệm, nghĩa vụ bổn phận gì đối với bố mẹ chị và chị. Hơn nữa, không cho chị đến thăm con, anh T đều tỏ thái độ né tránh, gây khó khăn, trở ngại cho chị H để chị tiếp xúc, chăm sóc con; chị H không có cơ hội tạo dựng được mối quan hệ tốt và sự vun vén gì đối với gia đình anh T. Bản thân chị H thấy rằng, tình cảm vợ chồng giữa chị và anh T không tin tưởng lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, không có cơ hội để hàn gắn, nay vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 10/2020 đến tháng 4/2023, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì giải quyết ly hôn giữa chị với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Anh T chị H có 01 con chung là cháu Hoàng Nam T1, sinh ngày 10/10/2018. Kể từ tháng 4/2023 đến nay anh T đi làm thuê không cho chị biết địa chỉ, cháu T1 đều do bố mẹ đẻ anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và

ổn định. Nay chị đề nghị sau khi ly hôn chị không có nguyện nuôi con do không có chỗ ở, điều kiện kinh tế thấp và thu nhập không ổn định; chị nhất trí giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi và chị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 800.000đ (Tám trăm nghìn đồng), bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2023 đến khi con đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Anh chị không có tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Hoàng Văn T vắng mặt nên không có ý kiến.

Tại các biên bản xác minh về việc mâu thuẫn vợ chồng anh T chị H tại nơi bị đơn Hoàng Văn T có hộ khẩu thường trú thể hiện: Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ngày hôm nay, anh T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho anh Hoàng Văn T và đưa vụ án ra xét xử.

Tòa án đã tiến hành xác minh về việc mâu thuẫn vợ chồng anh T chị H tại nơi cư trú của anh Hoàng Văn T tại xã N, huyện H, tỉnh H. Trưởng thôn thôn 6 Tráng L xác nhận chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện H, tỉnh H. Chị H và anh T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26/12/2018 và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng: Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau, trong thời gia hôn nhân vợ chồng anh chị không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Từ năm 2021, anh T và chị H bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn anh T không tập trung vào việc làm ăn, không có sự tôn trọng, chia sẻ lẫn nhau; anh T thường xuyên tụ tập bạn bè, đi uống rượu về nhà lại xảy ra mâu thuẫn, đánh đập chị H, sau khi xảy ra mâu thuẫn chị H đã 03 lần báo đến chính quyền thôn để đến giải quyết (không lập biên bản) mà chỉ hòa giải cho các bên để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng không thành, đến tháng 10/2021 chị H đã bỏ nhà chồng đi ở với bố mẹ đẻ đến nay không về nhà chồng chung sống với anh T. Còn anh T, từ khi biết được việc chị H có đơn khởi kiện ly hôn (tháng 4/2023) đã đi làm thuê và không cung cấp địa chỉ cụ thể cho gia

đình và chính quyền được biết. Hiện nay anh T vắng mặt tại địa phương. Trong quá trình chung sống, chị H anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Nam T1, sinh ngày 10/10/2018, hiện nay cháu đang ở với bố mẹ đẻ anh T chăm sóc cháu được sinh sống, học tập ổn định.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Hoàng Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và nêu ý kiến vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và phần trình bày trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt không có lý do, nhưng được ghi nhận ý kiến nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết ly hôn giữa chị Hoàng Thị H với anh Hoàng Văn T; đồng ý giao cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Nam T1, sinh ngày 10/10/2018 (Ý kiến của anh T được thông qua ông Hoàng Văn S là bố đẻ anh T cung cấp cho Tòa án).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và nguyên đơn được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Đề nghị HĐXX căn cứ vào các điều Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H, cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn T. Về con chung: Giao cháu Hoàng Nam T1, sinh ngày 10/10/2018 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi; ghi nhận việc chị Hoàng Thị H tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 800.000 đồng để nuôi cháu T1, cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Không có nên đề nghị không xem xét. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn chị Hoàng Thị H có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" với bị đơn anh Hoàng Văn T, anh T có nơi cư trú cuối cùng tại xã N, huyện H, tỉnh H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang.

[2] Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang đã tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án cho anh T do anh T không có mặt tại nơi cư trú nhưng bố đẻ anh T là ông Hoàng Văn S đã nhận thay và có thông báo cho anh T biết là Tòa án có giấy triệu tập để tham gia tố tụng nhưng anh T vẫn không có mặt tại Tòa án, chỉ nêu ý kiến nhất trí về việc ly hôn với chị H và có nguyện vọng nhận nuôi con là Hoàng Nam T1 (bút lục số 48), được thể hiện tại: Phiếu báo phát của bưu điện về việc gửi Thông báo thụ lý vụ án ngày 12/4/2023 (bút lục số 28-30), Biên bản tống đạt Giấy triệu tập ngày 15/5/2023 (bút lục số 49), Biên bản niêm yết Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 08/5/2023 (bút lục số 51-53), Biên bản vắng mặt anh T tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/5/2023 (bút lục số 56), Biên bản niêm yết Thông báo phiên hòa giải lần 2 ngày 22/5/2023 (bút lục số 57-59), Biên bản vắng mặt anh T tại phiên hòa giải lần 2 ngày 05/6/2023 (bút lục số 64), Biên bản niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa ngày 05/6/2023 (bút lục số 68-71), Biên bản niêm yết Quyết định hoãn phiên tòa ngày 20/6/2023. Anh T biết việc Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su Phì đang thụ lý và giải quyết, xét xử vụ án ly hôn giữa chị H và anh T nhưng anh T cố tình giấu địa chỉ không đến Tòa án để làm việc và tham gia tố tụng tại các phiên họp, phiên tòa nên Tòa án nhân dân huyện Hoàng Su

Phì, tỉnh Hà Giang tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo trường hợp bị đơn cố tình vắng mặt theo quy tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị H và anh Hoàng Văn T xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, năm 2020 có xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng không đáng kể, từ năm 2021 đến năm 2023 vợ chồng chị H anh T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh T thường xuyên uống rượu về chửi mắng, đánh đập chị Thảo đã được chính quyền thôn tổ chức hòa giải 03 lần nhưng kết quả không thành; trước thời gian sống ly thân anh T không hề quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với vợ trong khi bố vợ đang ốm nặng. Nhiều lần anh T đã đến nhà bố mẹ đẻ chị H để thuyết phục chị H về chung sống, tuy nhiên anh T không thay đổi cách sống nên chị H không chấp nhận được cuộc sống hôn nhân với anh T. Hiện tại chị H và anh T đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến tháng 4/2023. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì: "*1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác".*

[4] Về mâu thuẫn vợ chồng: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được cũng như qua xác minh ý kiến của gia đình là bố đẻ của anh T, ý kiến của đại diện chính quyền địa phương (trưởng thôn) và hộ dân sống lâu năm là hàng xóm nơi anh T, chị H sinh sống, cư trú (Bút lục từ số 44-48), ý kiến người làm chứng bà Hoàng Thị T2 (38-43). Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị H anh T không quan tâm đến nhau ai biết bổn phận của người đó, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người sống ly thân, anh T đã cản trở việc tiếp xúc giữa chị H và cháu T1 trong việc thăm nom, chăm sóc lẫn nhau dẫn đến việc

không có sự vun vén gia đình, như vậy là cả hai vợ chồng đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy mục đích hôn nhân giữa chị H và anh T không đạt được, không có sự vun đắp, chia sẻ cùng nhau, chung sống với nhau một thời gian, do phải chịu nhiều áp lực từ phía chồng và gia đình nhà chồng nên chị H đã phải sang ở với bố mẹ đẻ để lãnh nạn và chăm sóc bố đẻ trong khi đang ốm nặng nhưng anh T đã thờ ờ mặc cảm không quan tâm, chia sẻ đến vợ. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn T là có cơ sở.

[5] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Hoàng Nam T1, sinh ngày 10/10/2018. Hiện nay cháu T1 đang sống chung với anh T và anh T có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con chung, đồng thời chị H nhất trí giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi và chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*), bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 8/2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

[6] Theo khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*." Xét thấy, hiện cháu T1 từ nhỏ đến nay đều do bố mẹ đẻ anh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và có cuộc sống ổn định bên ông bà nội, khi cháu ốm đau anh T vẫn tìm cách liên lạc, quan tâm, chăm sóc đến con, còn chị H chưa có chỗ ở và việc làm thu nhập không ổn định, chỉ làm ruộng, thu nhập thấp (bút lục số 44), tuy nhiên chị H vẫn tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 800.000đ. Đối chiếu với quy định của pháp luật, biên bản xác minh về mức thu nhập đối với cá nhân người lao động tại thôn 6 Tráng L, xã N là 17.000.000/năm và với tình

hình, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng thì mức cấp dưỡng mà chị H nêu trên là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy, căn cứ theo nguyện vọng của anh T (bút lục số 48) cũng như yêu cầu khởi kiện của chị H (bút lục số 02), để đảm bảo cho cháu có điều kiện sống tốt nhất, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và ý kiến của anh T giao cháu T1 cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Nam T1, sinh ngày 10/10/2018 đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về mức cấp dưỡng hàng tháng nuôi con, chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng với số tiền 800.000 đồng/tháng và anh T là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung bắt đầu từ tháng 8/2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung và công sức đóng góp: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[9] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa đồng thuận với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[10] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H. Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Nam T1, sinh ngày 10/10/2018 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Buộc chị Hoàng Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức 800.000đ *(Tám trăm nghìn đồng)*, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ tháng 8 năm 2023 đến khi cháu Hoàng Nam T1 đủ 18 tuổi. Anh Hoàng Văn T là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, vì quyền lợi của con chung sau này một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm ly hôn được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai số 51BB-21P0008121 ngày 12/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang và buộc chị H phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn đồng)* đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,

7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hoàng Su Phì;
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Chi cục THADS huyện Hoàng Su Phì;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phương